

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THI TUYỂN SINH CAO ĐẲNG, TRUNG CẤP NĂM 2026 - ĐỢT CHÍNH THỨC

Nghành/Nghệ: Nghệ thuật biểu diễn múa dân gian dân tộc (6 năm)

Trình độ: Trung cấp

Đợt TS: 2026 - đợt 1

Hình thức: Chính quy

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành	KV	ĐT	Điểm Thăm âm - Tiết tấu	Điểm Chuyên ngành	Điểm ưu tiên ĐT	Điểm ưu tiên KV	Tổng điểm	Ghi chú
1	TC2026/CT_319	Nguyễn Diệp Bảo An	Nữ	07/6/2014	Nghệ An		KV2		6.50	6.50	0	0.25	19.75	
2	TC2026/CT_320	Trần Thiên An	Nữ	16/11/2015	Nghệ An		KV2		6.00	8.50	0	0.25	23.25	
3	TC2026/CT_321	Đặng Thị Phương Anh	Nữ	24/02/2015	Nghệ An		KV2		5.00	9.50	0	0.25	24.25	
4	TC2026/CT_322	Hoàng Phương Anh	Nữ	13/3/2015	Nghệ An		KV2		5.00	7.50	0	0.25	20.25	
5	TC2026/CT_323	Lê Phạm Thủy Anh	Nữ	04/3/2015	Nghệ An		KV2		6.00	7.50	0	0.25	21.25	
6	TC2026/CT_324	Nguyễn Quỳnh Anh	Nữ	10/8/2015	Nghệ An		KV2		7.50	8.00	0	0.25	23.75	
7	TC2026/CT_325	Nguyễn Minh Châu	Nữ	28/01/2015	Nghệ An		KV2		5.50	6.00	0	0.25	17.75	
8	TC2026/CT_326	Phan Quỳnh Chi	Nữ	04/02/2015	Nghệ An		KV2		5.00	8.00	0	0.25	21.25	
9	TC2026/CT_327	Nguyễn Việt Linh Đan	Nữ	16/6/2014	Nghệ An		KV2		5.00	6.50	0	0.25	18.25	
10	TC2026/CT_328	Võ Linh Đan	Nữ	28/10/2014	Nghệ An		KV2		5.00	6.00	0	0.25	17.25	
11	TC2026/CT_329	Nguyễn Gia Hân	Nữ	07/9/2013	Nghệ An		KV2		5.00	7.50	0	0.25	20.25	
12	TC2026/CT_331	Nguyễn Thị Ngọc Hân	Nữ	26/01/2015	Nghệ An		KV2		5.50	6.50	0	0.25	18.75	
13	TC2026/CT_332	Trần Thục Khanh	Nữ	25/6/2015	Nghệ An		KV2		7.00	7.50	0	0.25	22.25	
14	TC2026/CT_333	Nguyễn Kim Khánh	Nữ	25/9/2014	Nghệ An		KV2		5.00	7.50	0	0.25	20.25	
15	TC2026/CT_334	Nguyễn Thị Bảo Khánh	Nữ	24/3/2015	Thành phố Hà Nội		KV2		7.50	8.00	0	0.25	23.75	

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành	KV	ĐT	Điểm Thăm âm - Tiết tấu	Điểm Chuyên ngành	Điểm ưu tiên ĐT	Điểm ưu tiên KV	Tổng điểm	Ghi chú
16	TC2026/CT_335	Nguyễn Thị Phương Liên	Nữ	21/12/2012	Nghệ An		KV2		7.00	9.00	0	0.25	25.25	
17	TC2026/CT_336	Nguyễn Đình Phương Linh	Nữ	23/01/2012	Hà Tĩnh		KV2		7.50	8.00	0	0.25	23.75	
18	TC2026/CT_337	Nguyễn Khánh Linh	Nữ	31/7/2015	Nghệ An		KV2		6.00	7.00	0	0.25	20.25	
19	TC2026/CT_338	Nguyễn Thị Phương Linh	Nữ	18/10/2015	Nghệ An		KV2		6.50	8.00	0	0.25	22.75	
20	TC2026/CT_340	Nguyễn Kim Ngân	Nữ	11/10/2014	Nghệ An		KV2		6.50	8.50	0	0.25	23.75	
21	TC2026/CT_341	Hà Thị Minh Ngọc	Nữ	23/11/2013	Nghệ An		KV2		5.50	7.00	0	0.25	19.75	
22	TC2026/CT_342	Phạm Thị Thảo Nguyễn	Nữ	12/3/2014	Nghệ An		KV2		5.00	8.00	0	0.25	21.25	
23	TC2026/CT_344	Phạm Nguyễn Yến Nhi	Nữ	05/9/2013	Nghệ An		KV2		6.50	6.50	0	0.25	19.75	
24	TC2026/CT_343	Phan Tâm Nhi	Nữ	15/6/2015	Nghệ An		KV2		6.50	7.50	0	0.25	21.75	
25	TC2026/CT_345	Trương Uyên Nhi	Nữ	05/9/2012	Nghệ An		KV2		7.00	8.00	0	0.25	23.25	
26	TC2026/CT_346	Vũ An Nhiên	Nữ	23/4/2013	Thành phố Hồ Chí Minh		KV2		5.50	8.00	0	0.25	21.75	
27	TC2026/CT_347	Lê Trần Nhã Phương	Nữ	21/01/2015	Nghệ An		KV2		6.50	9.00	0	0.25	24.75	
28	TC2026/CT_348	Nguyễn Thị Hà Phương	Nữ	24/8/2015	Nghệ An		KV2		8.00	8.00	0	0.25	24.25	
29	TC2026/CT_349	Vương Thị Như Quỳnh	Nữ	07/01/2015	Nghệ An		KV2		6.50	8.00	0	0.25	22.75	
30	TC2026/CT_351	Phạm Kỳ Thư	Nữ	30/3/2013	Nghệ An		KV2		8.00	9.00	0	0.25	26.25	
31	TC2026/CT_350	Phan Trần Huyền Thư	Nữ	19/10/2012	Nghệ An		KV2		6.00	7.00	0	0.25	20.25	
32	TC2026/CT_352	Vương Ngân Trang	Nữ	13/10/2013	Nghệ An		KV2		5.00	7.50	0	0.25	20.25	
33	TC2026/CT_353	Nguyễn Ngọc Trâm	Nữ	22/01/2014	Nghệ An		KV2		7.00	7.50	0	0.25	22.25	
34	TC2026/CT_354	Nguyễn Ngọc Bảo Trâm	Nữ	05/7/2015	Nghệ An		KV2		8.00	9.00	0	0.25	26.25	
35	TC2026/CT_355	Bạch Phương Vy	Nữ	29/5/2015	Nghệ An		KV2		6.00	7.50	0	0.25	21.25	

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành	KV	ĐT	Điểm Thăm âm - Tiết tấu	Điểm Chuyên ngành	Điểm ưu tiên ĐT	Điểm ưu tiên KV	Tổng điểm	Ghi chú
36	TC2026/CT_356	Nguyễn Ngọc Lâm Vy	Nữ	12/3/2015	Nghệ An		KV2		5.50	8.50	0	0.25	22.75	
37	TC2026/CT_357	Trần Thị Tường Vy	Nữ	04/02/2014	Hà Tĩnh		KV2		5.50	8.00	0	0.25	21.75	

Ghi chú: Điểm đã nhân hệ số môn Chuyên ngành, Hình họa.

HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH NĂM 2026